

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/DS-ST

Ngày: 25/9/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Tùng Mận  
2. Ông Hoàng Văn Mầm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Long – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST- DS ngày 20 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2018/QĐST-DS ngày 07/9/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Xuân T – Sinh năm 1969

Nơi ĐKKHKT: Đường L, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ liên lạc: Đường D, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Bá S – Sinh năm 1960.

Nơi ĐKKHKT: Đường P, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào năm 2017, bà Nguyễn Thị Xuân T có cho ông Nguyễn Bá S mượn số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), ông S hẹn trong vòng 01 tháng sẽ trả số tiền trên. Tuy nhiên đến hạn thanh toán ông S không có khả năng trả nợ nên hai bên thống nhất lập Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng công chứng T (Số công chứng 00002845 quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/11/2017), nội dung như sau:

Ông Nguyễn Bá S là chủ sở hữu tài khoản số 0108848707 tại Ngân hàng Đ, chi nhánh Đ, phòng giao dịch E, địa chỉ: Đường Đ, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tài khoản ông S dùng để nhận lương hưu hàng tháng từ Bảo hiểm xã hội Tp. B.

Ông S đồng ý cho bà T dùng thẻ ATM của ông S để rút số tiền 3.100.000 đồng trong tổng số tiền 4.800.000 đồng lương hưu của ông S vào ngày 05 hàng tháng để trừ vào khoản nợ vay. Trường hợp đến ngày 05 hàng tháng mà tiền chưa được chuyển vào tài khoản của ông Nguyễn Bá S thì bà Nguyễn Thị Xuân T có quyền yêu cầu ông S thanh toán bằng tiền mặt số tiền là 3.100.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/năm trên tổng số tiền 80.000.000 đồng và thời gian trả nợ được tính từ ngày 30/11/2017.

Sau khi lập văn bản thỏa thuận, ông S đã giao cho bà T thẻ ATM của ông S (thẻ ATM số 9704061565559491 do Ngân hàng Đ cấp), bà T đã thực hiện rút tiền từ thẻ ATM của ông S theo thỏa thuận được tổng số tiền là 9.600.000 đồng. Sau đó bà T có cho ông S mượn lại số tiền 5.000.000 đồng, số tiền này hai bên chỉ trao tay và không lập giấy tờ gì.

Đến tháng 3 năm 2018 thì bà T không thể thực hiện việc rút tiền từ thẻ ATM của ông S được nữa, bà T đã nhiều lần liên lạc với ông S để yêu cầu giải quyết vấn đề trên cũng như yêu cầu ông S trả số tiền còn nợ là 75.400.000 đồng nhưng ông S cứ tránh né, không có thiện chí trả nợ theo thỏa thuận mà ông S đã cam kết.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị Xuân T đề nghị Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột buộc ông Nguyễn Bá S có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc là 75.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật trên số tiền 75.400.000 đồng tính từ ngày 04 tháng 03 năm 2018 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải, triệu tập họp lệ các đương sự nhưng bị đơn ông Nguyễn Bá S đều vắng mặt không có lý do.

#### **\* Diễn biến tại phiên tòa:**

Tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Xuân T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc ông Nguyễn Bá S phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật trên số tiền 70.400.000 đồng tính từ ngày 04 tháng 03 năm 2018 cho đến khi trả hết nợ.

#### **\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXX buộc ông Nguyễn Bá S phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Bá S phải chịu án phí theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về thủ tục tố tụng:** Tòa án đã tổng đạt hợp pháp các văn bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Bá S vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Bá S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dung:**

- Về nơi cư trú của ông Nguyễn Bá S. Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả xác minh như sau:

Tại địa chỉ: Đường P, phường T, Tp. B, Đắk Lắk (địa chỉ thể hiện trong Văn bản thỏa thuận tại Văn phòng công chứng T). Chính quyền địa phương cho biết: Ông Nguyễn Bá S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường Đ, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk nhưng ông Nguyễn Bá S đã bán nhà tại địa chỉ trên và đi khỏi địa phương, hiện nay ông S chưa cắt khẩu nhưng địa phương không biết ông S cư trú ở đâu.

Tại địa chỉ do bà Nguyễn Thị Xuân T cung cấp trong đơn khởi kiện là: đường K, phường T1, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Chính quyền địa phương cho biết: Ông Nguyễn Bá S không đăng ký hộ khẩu thường trú và cũng không cư trú tại địa chỉ này.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T, HĐXX nhận thấy: Ngày 30/11/2017 ông Nguyễn Bá S và bà Nguyễn Thị Xuân T có lập một văn bản thỏa thuận được công chứng tại văn phòng công chứng T, nội dung văn bản thể hiện, ông Nguyễn Bá S xác nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), phương thức trả nợ là ông S đồng ý cho bà T được dùng thẻ ATM của ông S để rút tiền lương hưu của ông S vào ngày 05 hàng tháng với số tiền 3.100.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/năm trên tổng số tiền 80.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ tính từ ngày 30/11/2017 cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, từ tháng 03/2018, bà T không thể thực hiện việc rút tiền như thỏa thuận từ thẻ ATM của ông Nguyễn Bá S.

Xác minh tại Ngân hàng Đ cho thấy: Ngày 31/3/2018 ông Nguyễn Bá S đã yêu cầu khóa thẻ ATM do Ngân hàng Đ cấp nhưng số tài khoản của ông Nguyễn Bá S tại ngân hàng vẫn hoạt động và ông Nguyễn Bá S thực hiện các giao dịch tại ngân hàng bằng chứng minh nhân dân.

Xác minh tại Bảo hiểm xã hội Tp. B cho thấy: Ông Nguyễn Bá S là người đang được hưởng chế độ hưu viên chức tại bảo hiểm xã hội Tp. B. Trước đây toàn bộ lương hưu của ông S được chuyển vào tài khoản mở tại ngân hàng Đ. Tuy nhiên theo yêu cầu của ông S thì hiện nay toàn bộ lương hưu của ông Song được chuyển vào tài khoản của ông S mở tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ.

Xác minh tại Ngân hàng N – Chi nhánh Đ cho thấy: Từ tháng 5/2018 đến nay tiền lương hưu của ông Nguyễn Bá S được chuyển vào tài khoản của ông S mở tại ngân hàng N – Chi nhánh Đ. Hiện nay ông Nguyễn Bá S vẫn đang thực hiện các giao dịch bằng tài khoản mở tại ngân hàng, các lần giao dịch gần đây nhất là vào

ngày 04/7/2018 ông Nguyễn Bá S thực hiện rút tiền mặt tại trụ sở Ngân hàng N – Chi nhánh Đ và ngày 05/7/2018, ông S thực hiện rút tiền mặt tại ATM của ngân hàng tại tỉnh Tây Ninh.

Từ những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được cho thấy, hiện nay ông Nguyễn Bá S đang cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Thị Xuân T theo thỏa thuận.

Trong đơn khởi kiện và tại bản tự khai ngày 04/5/2018, bà Nguyễn Thị Xuân T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Bá S phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 75.400.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc là 75.400.000 đồng tính từ ngày 04/3/2018 cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa bà Nguyễn Thị Xuân T thay đổi yêu cầu khởi kiện. Chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Bá S phải trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng và lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng tính từ ngày 04/3/2018 cho đến khi trả hết nợ. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà T là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Xuân T, buộc ông Nguyễn Bá S phải trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng và lãi suất như hai bên đã thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017 là 3%/năm (tức 0,25%/tháng) kể từ ngày 04/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 25/9/2018 là:  $(70.400.000 \text{ đồng} \times 0,25\%/tháng) \times 06 \text{ tháng} 21 \text{ ngày} = 1.208.533 \text{ đồng}$ . Tổng cộng cả hai khoản là 71.608.533 đồng (bảy mươi một triệu sáu trăm lẻ tám ngàn năm trăm ba ba đồng). Ông Nguyễn Bá S còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 26/9/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017

**[3] Về án phí:** Do được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Bá S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ở mức  $(71.608.533 \text{ đồng} \times 5\%) = 3.580.426 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**\* Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T.

Buộc ông Nguyễn Bá S phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Xuân T tổng số tiền 71.608.533 đồng (bảy mươi một triệu sáu trăm lẻ tám ngàn năm trăm ba ba đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 70.400.000 đồng và lãi suất (3%/năm) tính từ ngày 04/3/2018 cho đến ngày 25/9/2018 là 1.208.533 đồng. Ông Nguyễn

Bá S còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 26/9/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận ngày 30/11/2017.

**\* Về án phí:** Bị đơn ông Nguyễn Bá S phải chịu 3.580.426 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T số tiền 1.885.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003589 ngày 18/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(ĐÃ KÝ)

**Nguyễn Thị Thu Trang**